**HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

\*\*\*

Logo của Khoa

**PROJECT**

**HỌC PHẦN:XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM**

**Tên đề tài:……………………………………………………………………….**

**Nhóm:…………………………….**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Sinh viên thực hiện | Mã SV | Lớp | Điểm |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |

**Hà Nội, ngày … tháng ….năm …..**

 Nhận xét của giảng viên

**MỤC LỤC**

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**

* Phần này, sinh viên giới thiệu tên đề tài, lý do chọn đề tài, mục tiêu của đề tài
* Nhận định nhóm sẽ xây dựng phần mềm theo (**Mô hình thác nước, Mô hình phát triển lặp lại, Mô hình công nghệ phần mềm hướng thành phần, *hay* SCRUM*?,...* )** có sự lý giải tại sao lại chọn mô hình tiến trình này.

1. **TRÌNH BÀY VIỆC QUẢN LÝ DỰ ÁN CỦA NHÓM**
2. **PHÂN TÍCH, THIẾT KẾ HỆ THỐNG**
   * + 1. **Đặc tả yêu cầu**
   1. Phương pháp lấy yêu cầu (Sử dụng những phương pháp nào)
   2. Bản đặc tả yêu cầu

**Chú ý**: Dựa vào đặc tả để thiết kế hệ thống. Sản phẩm là bản thiết kế gồm 4 phần và theo template thầy gửi viết ngắn gọn và tập trung viết đầy đủ, súc tích, rõ ràng 2 phần chính sau để sau này có thể test:

* Các yêu cầu chức năng
* Các yêu cầu phi chức năng
  + - 1. **Thiết kế kiến trúc**
      2. **Lập trình:** Sử dụng công nghệ gì, framework, ngôn ngữ lập trình gì, hệ quản trị CSDL gì để cài đặt phần mềm.

**Chú ý:** - Cài đặt phải theo thiết kế

- Không bắt buộc phải lập trình hết tất cả các chức năng

* + - 1. **Thiết kế dữ liệu:**
  + Lược đồ quan hệ
  + Danh sách các bảng và mô tả sơ lược các bảng sau khi chuẩn hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Tên bảng | Mô tả |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| … | … | … |

* + - 1. **Kiểm thử:** Nhóm đã tiến hành kiểm thử như thế nào: Kiểm thử hệ thống thế nào, kiểm thử thành phần thế nào?

1. **Mô tả chức năng phần mềm**
2. Thiết kế từng yêu cầu chức năng
3. Giao diện hệ thống
4. **KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT**
5. **ĐÁNH GIÁ LÀM VIỆC NHÓM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Tiêu chí đánh giá** | | | | | **Tổng điểm** |
| *Thời gian tham gia họp nhóm* | *Thái độ tham gia* | *Ý kiến đóng góp* | *Thời gian giao nộp sản phẩm* | *Chất lượng sản phẩm giao nộp* |
| 1 | Nguyễn Văn A | 15 | 10 | 12 | 20 | 20 | 72 |
| 2 | Lê Thị B | … | … | … | … | .. |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

(**Lưu ý:** *Nhóm họp lại và căn cứ vào bảng tham chiếu đánh giá Rubric 3 phía dưới để đánh giá điểm từng tiêu chí cho từng thành viên trong nhóm)*

BẢNG THAM RUBRIC 3

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **8.5 – 10 điểm** | **Khá**  **6.5 – 8.4 điểm** | **Trung bình**  **4.0 – 6.4 điểm** | **Kém**  **0 – 3.9 điểm** |
| Thời gian tham gia họp nhóm | 15 | Chia đều cho số lần họp nhóm | | | |
| Thái độ tham gia | 15 | Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm | Kết nối tốt với thành viên khác | Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở | Không kết nối |
| Ý kiến đóng góp | 20 | Sáng tạo/rất hũu ích | Hữu ích | Tương đối hữu ích | Không hữu ích |
| Thời gian giao nộp sản phẩm | 20 | Đúng hạn | Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung | Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng chung nhưng có thể khắc phục | Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng chung, không thể khắc phục |
| Chất lượng sản phẩm giao nộp | 30 | Sáng tạo/Đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm | Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm | Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý | Không sử dụng được |

*Ghi chú: Rubric này áp dụng cho đánh giá từng thành viên trong nhóm*

**Tài liệu tham khảo**

*Giáo viên phụ trách môn học*

*(đã ký)*

***Đào Xuân Dương***

**Tài liệu tham khảo**